**TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KỲ 1, NĂM HỌC 2021 -2022**

**TỔ: NGỮ VĂN- GDCD MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN - 11**

**I.Hình thức kiểm tra:** Trắc nghiệm kết hợp tự luận.

 - Thời gian kiểm tra: 45 phút.

 - Số câu trắc nghiệm: 28 câu- 7 điểm.

 - Số câu tự luận : 02 câu- 3 điểm.

Ngày kiểm tra:……………………………………….

**II.Nội dung kiểm tra:** theo Kế hoạch giảng dạy, năm học: 2021-2022.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bài/ Chủ đề** | **Nội dung giảng dạy** | **Nội dung điều chỉnh** | **Hướng dẫn thực hiện** |
| **Bài 1.** Công dân với sựphát triển kinh tế | Mục 1: Sản xuất của cải vật chất và vai trò của SXCCVCMục 2: Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất dạy mục 2a, 2b | Mục 3a. Cơ cấu kinh tế | Không dạy |
| Mục 2: Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất dạy mục 2cMục 3: Phát triển kinh tế | Mục 3b. Ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cánhân, gia đình và xã hội nhân, gia đình và xã hội | Tập trung HS nêu được ý nghĩa của PTKT đối với các nhân và xã hội |
| **Bài 2.** Hàng hóa – Tiền tệ- Thị trường | Mục 1 Hàng hóa | Mục 1b. Lượng giá trị hàng hóa | Chỉ tập trung làm rõ 2 khái niệm:- Thời gian lao động cá biệt- Thời gian lao động xã hội cần thiết |
| Mục 2 Tiền tệ | Mục 2a. Nguồn gốc, bản chất của tiền tệ | Khuyến khích học sinh tự học |
| Mục 3 Thị trường | Mục 2c. Quy luật lưu thông tiền tệ | Không dạy |
| Câu hỏi/bài tập 3,4,6 | Không yêu cầu học sinh làm |
| **Chủ đề:** Các quy luật kinh tế trong sản xuất và lưu thông hàng hóa | Quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa | Mục 3a. Về phía Nhà nước | Không dạy |
| Mục 3b. Về phía CD | Hướng dẫn Hs lấy ví dụ về vận dụng QLGT |
| Câu hỏi/bài tập 5,10 | Học sinh tự làm |
| Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hang hóa | Mục 2a. Mục đích của cạnh tranh | Ghép vào Mục 1 |
| Mục 2b. Các loại cạnh tranh | Không dạy |
| Cung - cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa | Câu hỏi/bài tập 2 | Không yêu cầu học sinh làm |
| Mục 2b. Vai trò của quan hệ cung – cầu | Không dạy |
| Mục 3. Vận dụng quan hệ cung cầu  | Hướng dẫn HS thực hành |
| Câu hỏi/bài tập 3 | Học sinh tự làm |
| **Bài 6.** Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước | Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước dạy mục 1a | Mục 1. Khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa | Chỉ tập tập trung làm rõ thế nào là công nghiệp hóa, hiện đại hóa. |
| Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước dạy mục 2 a, 2b và 3 | Mục 2c. Củng cố và tăng cường địa vị chủ đạo của quan hệ sản xuất XHCN trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân*.* | Khuyến khích học sinh tự đọc. |
| Câu hỏi/bài tập 5,6,7,8 | Không yêu cầu học sinh trả lời |
| **Chủ đề**: Nền kinh tế chủ nghĩa xã hội | Nền kinh tế nhiều thành phần dạy mục 1a, 1c | Mục 1b. Các thành phần kinh tế ở nước ta | Hướng dẫn học sinh tự học |
| Mục 2. Vai trò quản lí kinh tế của nhà nước | Không dạy |

**I.PHẦN TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Sản xuất của cải vật chất là sự tác động của con người vào tự nhiên, biến đối các yếu tố của tự nhiên để tạo ra sản phẩm phù hợp với

A. quan hệ xã hội. B. yêu cầu của xã hội. C. nhu cầu của mình. D. tư liệu lao động.

**Câu 2:** Một trong những vai trò của sản xuất của cải vật chất là:

A. Cơ sở tồn tại của xã hội. B. Tạo ra các giá trị cho con người.

C. Giúp con người có việc làm. D. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Câu 3:** Toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất là

A. lao động. B. người lao động. C. sức lao động. D. làm viêc.

**Câu 4:** Những yếu tố tự nhiên mà lao động của con người tác động vào được gọi là:

A. Đối tượng lao động. B. Tư liệu lao động. C. Tài nguyên thiên nhiên. D. Nguyên vật liệu. **Câu 5:** . Hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động là

A. người lao động. B. tư liệu lao động. C. tư liệu sản xuất. D. nguyên vật liệu.

**Câu 6:** Đối với gia đình, phát triển kinh tế là tiền đề để

A. thực hiện tốt chức năng kinh tế. B. loại bỏ tệ nạn xã hội.

C. đảm bảo ổn định về kinh tế. D. xóa bỏ thất nghiệp.

**Câu 7:** Quá trình sản xuất gồm các yếu tố nào dưới đây?

1. Sức lao động, đối tượng lao động và lao động.
2. Con người, lao động và máy móc.
3. Lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động.
4. Sức lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động.

**Câu 8:** Ông G đã chế tạo ra hệ thống phun thuốc và tưới tự động điều khiển bằng điện thoại cho 1 ha đất trồng chè. Vật nào dưới đây là đối tượng lao động được ông G nhắc đến trong thông tin trên?

A. Hệ thống phun thuốc. B. Đất. C. Điện thoại điều khiển D. Chè.

**Câu 9:** Đâu là đối tượng lao động của ngành công nghiệp chế biến?

A. Gỗ trong nhà máy. B. Máy dùng để khai thác. C. Tôm, cá dưới biển. D. Than trong lòng đất.

**Câu 10:** Giá trị của hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa

A. kết tủa trong hàng hóa. B. kết tinh trong hàng hóa.

C. chi phí làm ra hàng hóa. D. vất vả làm ra hàng hóa.

**Câu 11:** Công dụng của sản phẩm làm cho hàng hoá có

A. giá trị trên thị trường. B. giá trị sử dụng. C. giá trị. D. giá trị trao đổi.

**Câu 12:** Hàng hóa có hai thuộc tính là:

A. Giá trị và giá cả. B. Giá trị trao đổi và giá trị sử dụng.

C. Giá cả và giá trị sử dụng. D. Giá trị và giá trị sử dụng.

**Câu 13:** Khi trao đổi hàng hoá vượt ra khỏi biên giới quốc gia thì tiền tệ làm chức năng

A. phương tiện lưu thông. B. phương tiện thanh toán. C. tiền tệ thế giới D. giao dịch quốc tế. **Câu 14:** Một sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua – bán được gọi là

A. thông tin. B. hàng hóa. C. sản xuất. D. giá trị.

**Câu 15:** Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và

A. chất lượng hàng hóa. B. giá trị hàng hóa, dịch vụ.

C. giá cả của hàng hóa. D. số lượng hàng hóa, dịch vụ.

**Câu 16:** Thông tin của thị trường có tác dụng như thế nào đối với người mua?

A. Biết được giá cả hàng hóa trên thị trường. B. Mua được hàng hóa mình cần.

C. Biết được số lượng và chất lượng hàng hóa. D. Điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất.

**Câu 17:** Giá trị của hàng hóa được biểu hiện bằng một lượng tiền nhất định được gọi là gì?

A. giá trị lao động. B. giá cả hàng hóa. C. vàng. D. đô la.

**Câu 18:** Tiền tệ trở thành thước đo giá trị, phương tiện lưu thông, phương tiện cất trữ, phương tiện thanh toán. Những thông tin trên thể hiện đặc tính nào dưới đây?

A. bản chất của tiền tệ. B. nguồn gốc của tiền tệ.

C. chức năng của tiền tệ. D. quy luật lưu thông tiền tệ.

**Câu 19:** Tiền rút khỏi lưu thông và được cất trữ để khi cần thì đem ra mua hàng là tiền thực hiện chức năng nào dưới đây?

A. Thước đo giá trị. B. Phương tiện lưu thông.

C. Phương tiện cất trữ. D. Phương tiện thanh toán.

**Câu 20:** Sản xuất hàng hoá số lượng bao nhiêu, giá cả như thế nào do nhân tố nào sau đây quyết định?

A. Người sản xuất. B. Thị trường. C. Nhà nước. D. Người làm dịch vụ.

**Câu 21 :** Yếu tố nào dưới đây quyết định giá cả hàng hoá?

A. Quan hệ cung - cầu về hàng hoá. B. Giá trị sử dụng của hàng hoá.

C. Giá trị của hàng hoá. D. Xu hướng của người tiêu dùng.

**Câu 22:** Mục đích mà người sản xuất hàng hóa hướng đến là gì?

A. Giá cả. B. Lợi nhuận. C. Công dụng của hàng hóa. D. Số lượng hàng hóa.

**Câu 23:** Yếu tố nào sau đây không được coi là hàng hóa?

A. Dịch vụ ăn uống. B. Đồ ăn bán ngoài chợ.

C. Lương thực bán ở cửa hàng. D. Rau nhà trồng để ăn.

**Câu 24:** : Bác B nuôi được 20 con gà. Bác để ăn 3 con, cho con gái 2 con. Số còn lại bác mang bán. Hỏi số gà của bác B có bao nhiêu con gà là hàng hóa?

A. 5 con. B. 20 con. C. 15 con. D. 3 con.

**Câu 25:** Quy luật giá trị yêu cầu tổng giá trị hàng hóa sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong

A. chi phí sản xuất. B. quá trình sản xuất. C. quá trình tiêu thụ. D. chi phí mua hàng.

**Câu 26:** Giá cả của hàng hoá trên thị trường vận động

A. ăn khớp với giá trị. B. cao hơn giá trị. C. thấp hơn giá trị. D. xoay quanh trục giá trị. **Câu 27:** Một trong những mặt tích cực của quy luật giá trị là kích thích lực lượng sản xuất, khoa học kĩ thuật phát triển và

A. sản xuất nhiều loại hàng hóa. B. người tiêu dùng mua được hàng hóa rẻ.

C. người sản xuất ngày càng giàu có. D. năng xuất lao động tăng.

**Câu 28:** Quy luật giá trị điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa thông qua yếu tố nào dưới đây?

A. Giá cả thị trường. B. Số lượng hàng hóa.

C. Nhu cầu của người tiêu dùng. D. Nhu cầu của người sản xuất.

**Câu 29:** Qui luật giá trị yêu cầu sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động nào?

A. cá biệt của người sản xuất. B. xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa.

C. xã hội tối đa để sản xuất ra hàng hóa. D. tối thiểu để sản xuất ra hàng hóa.

**Câu 30:** Trong quá trình sản xuất, người sản xuất kinh doanh không ngừng cải tiến kỷ thuật, nâng cao trình độ tay nghề người lao động, để giá trị cá biệt của mình thấp hơn giá trị xã hội là đã vận dụng tốt tác động nào của quy luật giá trị?

A. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển. B. Điều tiết và lưu thông hàng hóa.

C. Phân phối lại tư liệu lao động. D. Thúc đẩy thời gian lao động cá biệt tăng.

**Câu 31:** Nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu nhiều lợi nhuận là

A. mục đích của cạnh tranh. B. ý nghĩa của cạnh tranh.

C. nguyên tắc của cạnh tranh. D. nội dung của cạnh tranh.

**Câu 32:** Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập. tự do sản xuất, kinh doanh là một trong những

A. nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh. B. tính chất của cạnh tranh.

C. nguyên nhân của sự giàu nghèo. D. nguyên nhân của sự ra đời hàng hoá.

**Câu 33:** Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa để thu được nhiều lợi nhuận là

A. cạnh tranh. B. thi đua. C. sản xuất. D. kinh doanh.

**Câu 34:** Hành vi nào sau đây là biểu hiện của sự cạnh tranh không lành mạnh?

**A.** Khuyến mãi để thu hút khách hàng. **B.** Hạ giá thành sản phẩm.

**C.** Đầu cơ tích trữ để nâng giá . **D.** Áp dụng khoa học – kĩ thuật tiên tiến trong sản xuất.

**Câu 35:** Nội dung nào dưới đây thể hiện mặt tích cực của cạnh tranh?

A. Bảo vệ môi trường tự nhiên. B. Đa dạng hóa các quan hệ kinh tế.

C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. D. Nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Câu 36:** Câu nói : Thương trường như chiến trường. Phản ánh quy luật kinh tế nào dưới đây?

A. Quy luật cung cầu. B. Quy luật cạnh tranh. C. Quy luật lưu thông tiền tệ. D. Quy luật giá trị. **Câu 37:** Khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì nhất định, tương ứng với giá cả và thu nhập được gọi là

A. cung. B. cầu. C. nhu cầu. D. thị trường.

**Câu 38:** Khi cung lớn hơn cầu hoặc cung nhỏ hơn cầu đều ảnh hưởng

A. đến lưu thông hàng hoá. B. tiêu cực đến người tiêu dùng.

C. đến quy mô thị trường. D. đến giá cả thị trường.

**Câu 39:** Trên thị trường, khi giá cả tăng lên, cầu sẽ

A. giảm xuống. B. tăng lên. C. ổn định. D. không tăng.

**Câu 40:** Cung là khối lượng hàng hóa, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và

A. nguồn thu nhập xác định. B. số lượng hàng hóa nói chung.

C. nhu cầu tiêu dùng nói chung. D. chi phí sản xuất xác định.

**Câu 41:** Trên thị trường khi cầu tăng lên, sản xuất kinh doanh mở rộng, lượng cung hàng hóa sẽ

A. ổn định. B. giảm xuống. C. đứng im. D. tăng lên.

**Câu 42:** Ở trường hợp cung – cầu nào dưới đây thì người sản xuất bị thiệt hại?

A. Cung = cầu. B. Cung > cầu. C. Cung < cầu. D. Cung ≤ cầu.

**Câu 43:** Chủ thể nào dưới đây cần vận dụng quan hệ cung – cầu bằng cách điều tiết các trường hợp cung – cầu trên thị trường thông qua các pháp luật, chính sách?

A. Người sản xuất. B. Người tiêu dùng. C. Nhà nước. D. Nhân dân.

**Câu 44:** Nhu cầu về mặt hàng vật liệu xây dựng tăng mạnh vào giữa năm, nhưng nguồn cung không đáp ứng đủ thì sẽ xảy ra tình trạng gì dưới đây?

A. Giá vật liệu xây dựng tăng. B. Giá vật liệu xây dựng giảm.

C. Giá cả ổn định. D. Thị trường bão hòa.

**Câu 45:** Khi giá cả hàng hóa tăng lên thì cung, cầu sẽ diễn biến theo chiều hướng nào dưới đây?

A. Cung tăng, cầu giảm. B. Cung giảm, cầu tăng.

C. Cung tăng, cầu tăng. D. Cung giảm, cầu giảm.

**Câu 46:** Khi cầu về mặt hàng áo ấm vào mùa hè giảm, yếu tố nào dưới đây của thị trường sẽ giảm theo?

A. Cạnh tranh. B. Giá trị. C. Giá trị sử dụng. D. Giá cả.

**Câu 47:** Chủ thể nào dưới đây cần vận dụng quan hệ cung – cầu bằng cách điều tiết các trường hợp cung – cầu trên thị trường thông qua các pháp luật, chính sách?

A. Người sản xuất. B. Người tiêu dùng. C. Nhà nước. D. Nhân dân.

**Câu 48:** Mặt hàng sản xuất mũ vải giá thấp, bán chậm. Người sản xuất chuyển sang sản xuất mũ bảo hiểm vì mặt hàng này giá cao, bán nhanh. Người sản xuất đã vận dụng tác động nào dưới đây của quy luật giá trị?

A. Điều tiết sản xuất. B. Điều tiết tiêu dùng. C. Phân hóa giàu nghèo. D. Thay đổi việc làm. **Câu 49:** Quá trình chuyển đổi từ lao động thủ công là chính sang lao động dựa trên sự phát triển của công nghiệp cơ khí là

A. công nghiệp hóa. B. hiện đại hóa. C. công nghiệp hóa, hiện đại hóa. D. tự động hóa.

**Câu 50**: Quá trình ứng dụng và trang bị những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lí kinh tế - xã hội là

A. công nghiệp hóa. B. hiện đại hóa. C. công nghiệp hóa, hiện đại hóa. D. tự động hóa.

**Câu 51:** Tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là

A. một số mặt. B. to lớn và toàn diện. C. thiết thực và hiệu quả. D. toàn diện.

**Câu 52:** Quá trình ứng dụng và trang bị những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào quá trình sản xuất kinh doanh và quản lí kinh tế- xã hội là nội dung

A. về tính tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. B. của khái niệm hiện đại hóa.

C. cơ sở vật chất, kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội. D. của khái niệm công nghiệp hóa.

**Câu 53:** Quá trình chuyển đổi từ cơ cấu kinh tế lạc hậu, kém hiệu quả và bất hợp lí sang một cơ cấu kinh tế hợp lí, hiện đại và hiệu quả được gọi là

A. phát triển cơ cấu kinh tế. B. điều chỉnh cơ cấu kinh tế.

C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế. D. thay đổi cơ cấu kinh tế.

**Câu 54:** Thực hiện cơ khí hóa nền sản xuất xã hội, bằng cách chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ chỗ dựa trên kĩ thuật thủ công sang dựa trên

A. kĩ thuật cơ khí. B. công nghệ cơ khí. C. kĩ thuật hiện đại. D. công nghệ mới nhất.

**Câu 55:** Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa là thể hiện

A. khái niệm công nghiệp hóa. B. khái niệm hiện đại hóa.

C. phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất. D. phát triển nguồn lao động của doanh nghiệp.

**Câu 56:** Có nhận thức đúng đắn về tính tất yếu khách quan và tác dụng to lớn của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là

A. việc làm của xã hội. B. trách nhiệm của xã hội.

C. việc làm của công dân. D. trách nhiệm của công dân.

**Câu 57:** Tiếp thu và ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất để tạo nhiều sản phẩm chất lượng cao, giá thành thấp, có khả năng chiếm lĩnh thị trường nhằm

A. phát huy nhân tố con người. B. tối đa hóa lợi nhuận.

C. tối ưu hóa việc làm. D. phát huy mọi nguồn lực.

**Câu 58:** Để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động nào dưới đây?

A. Hoạt động kinh tế và quản lí kinh tế - xã hội. B. Hoạt động nghiên cứu khoa học.

C. Hoạt động chính trị - xã hội. D. Hoạt động văn hóa – xã hội.

**Câu 59:** Quan điểm nào dưới đây về nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là đúng?

1. Chuyển mạnh từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp.
2. Xây dựng một nền kinh tế tri thức toàn diện gắn với tự động hóa.
3. Phát triển mạnh mẽ quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.
4. Xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lí, hiện đại và hiệu quả.

**Câu 60:** Một trong những nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay là gì?

1. Xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
2. Rút ngắn khoảng cách lạc hậu so với các nước phát triển.
3. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất.
4. Tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

**Câu 61:** Công nghệ vi sinh, kĩ thuật gen và nuôi cấy tế bào được ứng dụng ngày càng nhiều trong các lĩnh vực là biểu hiện của quá trình nào ở nước ta hiện nay?

A. Công nghiệp hóa. B. Hiện đại hóa. C. Tự động hóa. D. Trí thức hóa.

**Câu 62:** Đi đôi với chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với phát triển yếu tố nào dưới đây?

A. Kinh tế ngành. B. Kinh tế vùng. C. Kinh tế tri thức. D. Kinh tế thị trường.

**Câu 63:** Thường xuyên học tập nâng cao trình độ trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ theo hướng hiện đại là thể hiện nội dung nào dưới đây của công nghiệp hóa, hiện đại hóa?

A. Vai trò của công dân. B. Tình cảm của công dân.C. Trách nhiệm của công dân. D. Quyền lợi của công dân.

**Câu 64:** Kiểu quan hệ kinh tế dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất là

A. công cụ sản xuất. B. quan hệ sản xuất. C. thành phần kinh tế. D. lực lượng sản xuất.

**Câu 65:** Thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần là

A. yếu tố của tự nhiên. B. tất yếu khách quan. C. yếu tố xã hội. D. công cụ sản xuất.

**Câu 66:** Sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một tất yếu khách quan vì nước ta

A. tồn tại nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất. B. là nước nông nghiệp có dân số đông.

C. có nhu cầu giải quyết việc làm rất lớn. D. tồn tại nhiều ngành nghề sản xuất khác nhau.

**Câu 67:** Kinh tế nhà nước là thành phần kinh tế dựa trên hình thức sở hữu

A. tư bản nhà nước về tư liệu sản xuất. B. hỗn hợp về tư liệu sản xuất.

C. nhà nước về tư liệu sản xuất. D. nhân dân về tư liệu sản xuất.

**Câu 68:** Kinh tế dựa trên chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất được xác định là

A. kinh tế tập thể. B. kinh tế tư nhân. C. kinh tế nhà nước. D. kinh tế tư bản nhà nước.

**Câu 69:** Yếu tố nào dưới đây là căn cứ trực tiếp để xác định thành phần kinh tế?

A. Quan hệ sản xuất. B. Sở hữu tư liệu sản xuất. C. Lực lượng sản xuất. D. Các quan hệ trong xã hội.

**Câu 70:** Những tiểu thương bán hàng ở chợ thuộc thành phần kinh tế nào dưới đây?

A. Kinh tế tập thể. B. Kinh tế tư nhân. C. Kinh tế nhà nước. D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 71:** Nhiều người cùng góp vốn thành lập nên Hợp tác xã vận tải Đức Phúc chuyên kinh doanh dịch vụ vận chuyển hành khách, đây là thành phần kinh tế nào dưới đây?

A. Kinh tế tập thể. B. Kinh tế tư nhân. C. Kinh tế nhà nước. D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

# TỰ LUẬN:

# - Điều kiện để một sản phẩm trở thành hàng hoá. Vận dụng kiến thức đã học để phân biệt đâu là hàng hoá.

# - Phân biệt được các chức năng của tiền tệ.

* Vận dụng kiến thức đã học để nêu một số ví dụ về mặt tích cực và hạn chế trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.
* Vận dụng quy luật cung – cầu để giải thích ảnh hưởng của giá cả thị trường đến cung, cầu một loại sản phẩm hàng hóa ở địa phương.

--------------- Hết ---------------